

Báo cáo Thị trường Lúa gạo

Năm 2025

Báo cáo cập nhật bức tranh toàn cảnh về tình hình sản xuất, biến động giá cả, tình hình tiêu thụ và các dự báo về thị trường lúa gạo trong nước và thế giới.



Mục lục

Tóm tắt	03
Phần I: Thị trường gạo thế giới	04
1. Sản lượng, tiêu thụ	05
2. Tình hình xuất nhập khẩu	06
3. Diễn biến giá	10
Phần II: Thị trường gạo Việt Nam	14
1. Sản xuất	15
2. Xuất khẩu	15
3. Diễn biến giá	19
Phần III: Dự báo	21
Phần IV: Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành	23
Phần V: Chính sách	27
Phụ lục	30

Viết tắt, giải nghĩa

Bulog: Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia

CRF: Liên đoàn Lúa gạo Campuchia

DA: Bộ Nông nghiệp Philippines

FAO: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc

IGC: Hội đồng ngũ cốc quốc tế

PBS: Cục Thống kê Pakistan

PSA: Cơ quan Thống kê Philippines

USDA: Bộ Nông nghiệp Mỹ

VFA: Hiệp hội Lương thực Việt Nam

Để thuận tiện hơn trong việc xem và tra cứu báo cáo này, xin mời quý vị tải bản PDF về và mở trên các phần mềm chuyên dụng như Adobe PDF Reader hoặc Foxit Reader.

Tóm tắt

- Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt 541,2 triệu tấn, không thay đổi nhiều so với vụ trước. Tuy nhiên, tiêu thụ gạo toàn cầu được dự báo sẽ tăng tới 11,8 triệu tấn, lên mức kỷ lục 542 triệu tấn.
- Xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã tăng 19,4% trong năm 2025, đạt mức cao thứ hai trong lịch sử. Dòng chảy gạo được cải thiện từ quốc gia sản xuất và xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới đã làm hạn chế xuất khẩu của các nhà cung cấp khác như Thái Lan và Việt Nam, đồng thời đẩy giá gạo tại châu Á xuống mức thấp nhất trong gần một thập kỷ.
- Năm 2025, lượng gạo xuất khẩu của Thái Lan ước tính đạt từ 7,88 - 8 triệu tấn, vượt mục tiêu 7,5 triệu tấn, nhờ nhu cầu mạnh mẽ vào cuối năm. Tuy nhiên, khối lượng vẫn thấp hơn mức gần 10 triệu tấn được ghi nhận vào năm 2024, khi Thái Lan là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới sau Ấn Độ.
- Philippines chính thức quay lại thị trường gạo quốc tế vào ngày 1/1 sau khi dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu kéo dài bốn tháng. Năm ngoái, Philippines nhập khẩu gần 3,37 triệu tấn gạo, giảm khoảng 30% so với 4,8 triệu tấn của năm 2024 do ảnh hưởng bởi lệnh cấm. Đây cũng là mức thấp nhất trong bốn năm qua. Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung chính, chiếm hơn 80% thị phần.
- Mặc dù giá gạo phục hồi trong quý IV do lo ngại nguồn cung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt tại Thái Lan và Việt Nam, cùng với biến động tỷ giá, nhưng mặt bằng giá chung trong năm vẫn thấp hơn đáng kể so với năm trước. Trong năm 2025, chỉ số giá gạo toàn cầu đạt trung bình 103,5 điểm – mức thấp nhất trong sáu năm kể từ 2019, giảm 35,2% so với năm 2024.
- Giá gạo thế giới được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực trong năm 2026, khi các quốc gia sản xuất lớn như Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam cạnh tranh để giải phóng nguồn cung dư thừa, trong bối cảnh khách hàng trì hoãn việc mua vào.
- Theo Cục Hải quan, năm 2025 Việt Nam xuất khẩu 8,06 triệu tấn gạo trị giá 4,1 tỷ USD, giảm lần lượt 10,8% và 27,6% so với năm 2024. Sự suy giảm này chủ yếu do giá gạo thế giới giảm mạnh sau khi Ấn Độ dỡ bỏ hạn chế xuất khẩu và nhu cầu yếu hơn tại các thị trường lớn, đặc biệt là Philippines.
- Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA) nhận định trong năm 2026 có nhiều khó khăn và thách thức. Nguồn cung thế giới dồi dào cũng ảnh hưởng lớn đến các nhà xuất khẩu nói chung, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy mà năm nay kế hoạch xuất khẩu điều chỉnh giảm còn 7 triệu tấn.

Phần I:

Thị trường gạo thế giới



Mặc dù giá gạo có sự phục hồi trở lại trong quý IV, nhưng tính chung cả năm 2025, chỉ số giá gạo toàn cầu của FAO chỉ đạt trung bình 103,5 điểm – mức thấp nhất trong sáu năm kể từ 2019, giảm 35,2% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ nguồn cung dồi dào, cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia xuất khẩu và việc một số thị trường lớn ở châu Á cắt giảm nhập khẩu.

1 Sản xuất - Tiêu thụ

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt 541,2 triệu tấn (xay xát), tăng 0,8 triệu tấn so với dự báo trước đó, chủ yếu nhờ mức điều chỉnh tăng ở Trung Quốc, Nhật Bản và Bangladesh, bù đắp cho sự sụt giảm tại Mỹ.

Sản lượng của Ấn Độ, hiện là nước sản xuất gạo lớn nhất thế giới sau khi vượt Trung Quốc trong 2 năm qua, vẫn giữ nguyên dự báo ở mức 152 triệu tấn, đánh dấu năm thứ 10 liên tiếp đạt kỷ lục.

Với dự báo mới nhất này, sản lượng gạo toàn cầu trong vụ 2025-2026 gần như tương đương mức kỷ lục 541,3 triệu tấn của năm 2024-2025. Mức tăng sản lượng ở Bangladesh và hai nước sản xuất gạo hàng đầu là Trung Quốc và Ấn Độ – vốn chiếm hơn một nửa sản lượng gạo toàn cầu – góp phần bù đắp sản lượng giảm tại một số quốc gia khác, bao gồm các nhà sản xuất lớn như Brazil, Campuchia, Indonesia, Madagascar, Pakistan, Thái Lan, Mỹ và Việt Nam.

Nguồn cung gạo toàn cầu niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt mức kỷ lục 732,4 triệu tấn, tăng 1,6 triệu tấn so với dự báo trước và sẽ đánh dấu năm thứ ba liên tiếp tăng trưởng. Mức tăng nguồn cung chủ yếu đến từ việc điều chỉnh tăng tồn kho đầu vụ của Trung Quốc và triển vọng sản xuất lớn hơn như đã đề cập ở trên.

Tiêu thụ gạo toàn cầu trong niên vụ 2025-2026 (bao gồm cả phần thất thoát sau thu hoạch) cũng được USDA điều chỉnh tăng nhẹ trong tháng này lên mức kỷ lục 542 triệu tấn, tương ứng tăng khoảng 100.000 tấn so với dự báo trước và tăng tới 11,8 triệu tấn so với niên vụ 2024-2025. Mức tiêu thụ kỷ lục này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu dự kiến đạt mức cao nhất trong lịch sử tại nhiều quốc gia tiêu thụ gạo lớn như Bangladesh, Ấn Độ, Nigeria, Philippines, Thái Lan, Việt Nam và Mỹ.

Tồn kho cuối kỳ toàn cầu niên vụ 2025-2026 được dự báo đạt 190,3 triệu tấn, tăng 1,5 triệu tấn so với dự báo trước nhưng vẫn thấp hơn 0,9 triệu tấn so với năm trước. Việc điều chỉnh tăng tồn kho tại Bangladesh, Trung Quốc, Nhật Bản và Pakistan đã bù đắp cho mức giảm của Thái Lan. Trung Quốc (55%) và Ấn Độ (25%) chiếm phần lớn lượng tồn kho toàn cầu, một phần do các chương trình dự trữ của chính phủ.

Thương mại gạo toàn cầu năm 2026 được dự báo đạt mức cao kỷ lục 62,8 triệu tấn, không đổi so với dự báo trước và tăng 3,1 triệu tấn so với năm 2025. Chủ yếu do xuất khẩu dự kiến tăng từ Trung Quốc và Ai Cập đã bù đắp mức giảm của Pakistan và Mỹ. Xuất khẩu của Trung Quốc đã được điều chỉnh tăng trong 2 tháng liên tiếp, dựa trên nhu cầu ngày càng mở rộng đối với gạo hạt trung bình có giá cạnh tranh của nước này từ các thị trường chính ở châu Phi, bao gồm Bờ Biển Ngà, Guinea-Bissau và Libya.

Việc điều chỉnh giảm đối với xuất khẩu của Pakistan xuất phát từ lượng bán thấp hơn sang Afghanistan và Kazakhstan, trong khi xuất khẩu của Mỹ được hạ xuống do tốc độ bán hàng và giao hàng gạo thô sang các thị trường ở Tây Bán cầu tiếp tục yếu.

2 Tình hình xuất nhập khẩu

Trong năm 2025, việc Ấn Độ dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế xuất khẩu đã thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động xuất khẩu gạo của nước này, tạo áp lực giảm giá đối với thị trường gạo thế giới cũng như các nước xuất khẩu hàng đầu khác như Thái Lan, Việt Nam và Pakistan.

a. Xuất khẩu

 **Ấn Độ:** Theo *Reuters*, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã tăng 19,4% trong năm ngoái, đạt mức cao thứ hai trong lịch sử. Nguyên nhân đến từ việc nước này dỡ bỏ toàn bộ các biện pháp hạn chế xuất khẩu và nguồn cung cải thiện đạt mức cao kỷ lục, qua đó giúp các lô hàng trở nên cạnh tranh hơn.

Cụ thể, xuất khẩu gạo của Ấn Độ năm 2025 đã tăng lên 21,55 triệu tấn, so với 18,05 triệu tấn năm 2024, tiến sát mức kỷ lục 22,3 triệu tấn của năm 2022. Trong đó, xuất khẩu gạo không phải basmati tăng 25%, đạt 15,15 triệu tấn, trong khi xuất khẩu gạo basmati tăng 8%, lên mức kỷ lục 6,4 triệu tấn.

Lượng gạo không phải basmati xuất khẩu sang Bangladesh, Benin, Cameroon, Bờ Biển Ngà và Djibouti đã tăng mạnh. Cùng lúc đó, Iran, Các Tiểu vương quốc Arab Thống nhất và Anh gia tăng nhập khẩu gạo basmati chất lượng cao trong năm qua.

Dòng chảy gạo được cải thiện từ quốc gia xuất

khẩu gạo lớn nhất thế giới đã làm hạn chế xuất khẩu của các nhà cung cấp khác như Thái Lan và Việt Nam, đồng thời đẩy giá gạo tại châu Á xuống mức thấp nhất trong gần một thập kỷ. Điều này giúp giảm chi phí cho người tiêu dùng nghèo tại châu Phi và các khu vực khác.

Thông thường, Ấn Độ xuất khẩu nhiều gạo hơn tổng lượng xuất khẩu của ba quốc gia đứng sau là Thái Lan, Việt Nam và Pakistan cộng lại. Nguyên nhân được cho là bởi gạo Ấn Độ có khả năng cạnh tranh rất cao so với nguồn cung từ các nước xuất khẩu khác, với mức giá thấp hơn giúp Ấn Độ giành lại thị phần đã mất.

 **Thái Lan:** Năm 2025, lượng gạo xuất khẩu của Thái Lan ước tính đạt từ 7,88 - 8 triệu tấn, vượt mục tiêu 7,5 triệu tấn, nhờ nhu cầu mạnh mẽ vào cuối năm. Tuy nhiên, khối lượng vẫn thấp hơn mức gần 10 triệu tấn được ghi nhận vào năm 2024, khi Thái Lan là nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới sau Ấn Độ.

Bộ Thương mại Thái Lan dự báo lượng gạo xuất khẩu trong năm 2026 của nước này có thể chỉ đạt 7 triệu tấn, giảm 12,5% so với con số 8 triệu tấn dự kiến trong năm 2025. Nguyên nhân chính là do đồng baht đang tăng giá khiến gạo Thái Lan trở nên đắt hơn so với nguồn cung dồi dào, giá rẻ từ Ấn Độ.

Cục Ngoại thương thuộc Bộ Thương mại Thái Lan, cho biết đồng baht hiện mạnh hơn 10-20% so với đồng tiền của các nước cạnh tranh, nếu tiếp tục theo xu hướng hiện nay sẽ đặt ra thách thức lớn đối với các sản phẩm nông nghiệp của Thái Lan.

Thỏa thuận Thái Lan bán 500.000 tấn gạo cho Trung Quốc dự kiến sẽ tiếp tục. Tháng trước, Thái Lan đã đồng ý bán tới 100.000 tấn gạo cho Singapore trong thời hạn 5 năm. Ngoài ra,

Thái Lan tiếp tục mở rộng thị trường cho gạo trắng và gạo đỏ ở Iraq, Saudi Arabia và các nước khác ở Trung Đông và châu Phi.

Thái Lan cũng có kế hoạch tìm kiếm cơ hội ở Đức, Thụy Sĩ và Mỹ cho các giống gạo thông qua dự án Khaopraneat, dự án quảng bá gạo Thái Lan như một sản phẩm văn hóa với hương vị, bản sắc và giá trị đặc trưng.



Pakistan: Xuất khẩu gạo của Pakistan đã ghi nhận sự sụt giảm mạnh trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế gia tăng và những khó khăn từ các chính sách trong nước. Các chuyên gia trong ngành cảnh báo rằng chi phí cao hơn và việc đánh mất lợi thế cạnh tranh về giá đang khiến Pakistan bị loại khỏi các thị trường xuất khẩu chủ chốt.

Theo số liệu của Cục Thống kê Pakistan (PBS), trong giai đoạn tháng 7–11 của năm tài khóa 2025-2026, xuất khẩu gạo của Pakistan giảm 40% về khối lượng; trong đó lô hàng gạo IRRI-6 và IRRI-9 (gạo không phải basmati) giảm 39,7%, còn xuất khẩu gạo basmati giảm 41,79%.

Do thanh khoản hạn chế trên thị trường quốc tế, giống gạo không phải basmati trước đây được xuất khẩu ở mức khoảng 550 USD/tấn, nay giảm xuống chỉ còn khoảng 350 USD/tấn. Việc Ấn Độ quay trở lại thị trường gạo toàn cầu đã làm nguồn cung tăng mạnh, gây áp lực giảm giá quốc tế và đồng thời đẩy gạo Pakistan ra khỏi các thị trường nhạy cảm về giá.



Campuchia: Theo báo cáo từ Liên đoàn Lúa gạo Campuchia (CRF), trong năm 2025, Campuchia đã xuất khẩu kỷ lục 940.321 tấn gạo, thu về 602 triệu USD, đánh dấu mức tăng 45% về lượng và 22,6% về kim ngạch so với năm 2024.

Gạo của Campuchia được tiêu thụ tại 75 thị trường, trong đó các thị trường chính là EU với 339.417 tấn (chiếm khoảng 36%), trị giá 258 triệu USD; Trung Quốc với 231.125 tấn, trị giá 138 triệu USD; ASEAN với 273.657 tấn, trị giá 117 triệu USD.

Các thị trường khác bao gồm các quốc gia ở châu Phi, Trung Đông, Mỹ, Canada, Australia và New Zealand đã nhập khẩu tổng cộng 96.122 tấn gạo, trị giá 88 triệu USD.

Về chủng loại, gạo thơm được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 64% tổng kim ngạch xuất khẩu. Thị phần còn lại thuộc về các loại gạo trắng hạt dài, gạo đỏ và gạo hữu cơ.

Ngoài gạo xay sát, Campuchia cũng đã xuất khẩu 6,85 triệu tấn thóc sang các nước láng giềng thông qua hoạt động biên mậu, thu về khoảng 1,58 tỷ USD, tăng 32% so với năm 2024.



Myanmar: Số liệu của Liên đoàn Lúa gạo Myanmar (MRF) cho thấy, trong tháng 12/2025, nước này đã thu về 99 triệu USD từ xuất khẩu gạo và gạo tấm với tổng khối lượng 331.869 tấn, đây là lượng xuất khẩu theo tháng cao nhất trong 9 tháng đầu năm tài chính 2025–2026.

Tính chung trong 9 tháng từ tháng 4 đến tháng 12/2025, tổng lượng gạo và gạo tấm xuất khẩu của Myanmar đạt hơn 2,1 triệu tấn, mang về 675 triệu USD. MRF cho biết xuất khẩu gạo và gạo tấm dự kiến sẽ đạt khoảng 3 triệu tấn trong năm tài chính 2025–2026.

b. Nhập khẩu



Philippines: Philippines chính thức quay lại thị trường gạo quốc tế vào ngày 1/1/2026 sau khi dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu kéo dài bốn tháng, bắt đầu từ tháng 9 năm ngoái.

Cục Công nghiệp Thực vật Philippines (BPI) mới đây đã ban hành hướng dẫn về việc nối lại hoạt động nhập khẩu gạo. Theo hướng dẫn này, gạo nhập khẩu chỉ được phép vận chuyển qua 17 cảng trên toàn quốc: Subic, Batangas, Cảng container quốc tế Manila, Cảng Manila, Cebu, Cagayan de Oro, Iligan, Davao, General Santos, Tacloban, Tabaco (tỉnh Albay), Zamboanga, Bacolod, Iloilo, Tagbilaran, Dumaguete và Calbayog.

Gạo nhập khẩu phải đến Philippines trong vòng 60 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận vệ sinh và kiểm dịch thực vật nhập khẩu (SPSIC). Các lô hàng đến muộn hơn thời hạn quy định sẽ không được chấp nhận và buộc phải tái xuất về nước xuất khẩu, chi phí do nhà nhập khẩu chi trả.

Điều này có nghĩa là gạo nhập khẩu dự kiến sẽ cập cảng vào cuối tháng 2, theo các quan chức nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp (DA) trước đó thông báo sẽ cho phép 500.000 tấn gạo được nhập khẩu trong giai đoạn này. Thuế nhập khẩu gạo ở mức 15% vào đầu tháng 1, nhưng dự kiến sẽ tăng lên 20% từ ngày 16/1. DA vẫn đang kiểm soát việc nhập khẩu gạo nhằm bảo vệ giá thu mua cho nông dân trong nước.

Cục Công nghiệp và Thực vật Philippines (BPI) đã miễn yêu cầu đặt cọc 10% đối với các chứng chỉ SPSIC cho các lô hàng gạo nhập khẩu mới, điều mà các chuyên gia trong ngành nhận định sẽ giảm bớt gánh nặng tài chính cho các nhà nhập khẩu.

Theo dữ liệu của BPI, năm ngoái, Philippines nhập khẩu gần 3,37 triệu tấn gạo, giảm khoảng 30% so với 4,8 triệu tấn của năm 2024 do lệnh cấm nhập khẩu kéo dài bốn tháng. Đây cũng là mức thấp nhất trong bốn năm qua.

Trước khi lệnh cấm bắt đầu có hiệu lực vào tháng 9, lượng gạo nhập khẩu trung bình khoảng 370.000 tấn mỗi tháng. Từ tháng 10 đến tháng 12, lượng gạo nhập khẩu hàng tháng giảm mạnh chỉ còn khoảng 32.000 tấn, chủ yếu là các loại gạo đặc sản như gạo Nhật, gạo đen và basmati – những loại được miễn trừ khỏi lệnh cấm.

Về nguồn cung, Việt Nam là nhà cung cấp hàng đầu cho Philippines trong năm 2025, với tổng cộng 2,74 triệu tấn tính đến ngày 25/12, chiếm 81% tổng lượng gạo nhập khẩu.

Các nguồn cung chính khác bao gồm Myanmar với 343.910 tấn, Thái Lan với 176.840 tấn, Pakistan với 76.448 tấn và Ấn Độ với 20.786 tấn.

Bộ Nông nghiệp Philippines kỳ vọng nhập khẩu gạo năm nay vẫn dưới 4 triệu tấn, dựa trên dự báo sản lượng lúa đạt 20,3 triệu tấn. Tuy nhiên, những dự báo này vẫn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và hiệu quả các biện pháp hỗ trợ của chính phủ.

 **Indonesia:** Cơ quan Lương thực quốc gia Indonesia (Bapanas) ngày 2/1 cho biết Indonesia sẽ không nhập khẩu các mặt hàng lương thực chiến lược như ngô, gạo và đường phục vụ tiêu dùng trong năm 2026, do nguồn cung trong nước được đánh giá là đủ đáp ứng nhu cầu quốc gia.

Theo số liệu của Bapanas, lượng gạo tồn kho đầu năm 2026 ước đạt khoảng 12,5 triệu tấn, bao gồm 3,248 triệu tấn dự trữ gạo quốc gia do cơ quan hậu cần Nhà nước Bulog quản lý. Với mức tiêu thụ trung bình hằng tháng ước tính khoảng 2,6 triệu tấn, lượng tồn kho này có thể đáp ứng gần 5 tháng nhu cầu của 286 triệu người dân nước này.

Cùng với sản lượng gạo dự báo đạt 34,7 triệu tấn, tổng lượng tồn kho gạo đến cuối năm 2026 có thể tăng lên 16,2 triệu tấn.

 **Nhật Bản:** Theo dữ liệu chính thức của Bộ Tài chính Nhật Bản, trong 11 tháng năm 2025, lượng gạo nhập khẩu tư nhân đạt 92.968 tấn, gấp 104 lần so với cùng kỳ năm trước. Đây là một con số chưa từng thấy trong lịch sử bởi trước đây, mức nhập khẩu tư nhân chỉ dao động khoảng 600-800 tấn mỗi năm trong nhiều năm liền.

Nguyên nhân gốc rễ khiến giá gạo nội địa liên tục tăng và nhập khẩu bùng nổ xuất phát từ nhiều yếu tố, trong đó nổi bật là biến đổi khí hậu, hạn hán, chi phí sản xuất cao và tình trạng dân số nông thôn già hóa khiến sản lượng gạo sụt giảm.

Các tổ chức thu mua lớn như Liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp Nhật Bản (JA) vẫn duy trì mức giá cao để bảo vệ nông dân nhưng điều này làm giá bán lẻ không thể giảm.

Nhật Bản duy trì hạn ngạch nhập khẩu miễn thuế 770.000 tấn/năm, trong đó 100.000 tấn là gạo ăn trực tiếp cho tiêu dùng trong nước. Tuy nhiên, giá nội địa cao khiến các doanh nghiệp vượt hạn ngạch vẫn có lợi. Thuế nhập khẩu trở nên không đủ rào cản và nhập khẩu tư nhân gia tăng đột biến.

Các chuyên gia cảnh báo, nếu không có chiến lược dài hạn, Nhật Bản có nguy cơ mất dần lợi thế cạnh tranh ở cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu gạo chất lượng cao, trong khi các nước khác như Thái Lan, Việt Nam hay Mỹ tiếp tục mở rộng xuất khẩu và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Còn theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), tổng nhập khẩu gạo của Nhật Bản trong 11 tháng năm 2025 đạt 740.926 tấn,

tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2024. Các thị trường cung cấp chính gồm: Mỹ đạt 372.489 tấn, tăng 18,2%; Thái Lan: 230.618 tấn, giảm 20,2%; Australia: 57.262 tấn, tăng 75,7%; Trung Quốc: 49.732 tấn, tăng 92,9%; Đài Loan: 10.664 tấn, tăng 422,7%; Ấn Độ: 7.686 tấn, tăng 176,3%....

Đáng chú ý, Việt Nam đứng thứ 7 về xuất khẩu gạo vào Nhật Bản, với khối lượng đạt 6.464 tấn, tăng gấp 2,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Kết quả này giúp cho thị phần gạo Việt Nam nhập khẩu vào Nhật Bản tăng từ 0,3% lên 0,9%.



Trung Quốc: Nhập khẩu gạo của Trung Quốc giảm trong năm 2024,

nhưng đã tăng mạnh trở lại trong năm 2025 nhờ giá gạo thế giới hạ nhiệt và việc Ấn Độ nối lại hoạt động xuất khẩu.

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 11 tháng năm 2025, Trung Quốc nhập khẩu hơn 2,74 triệu tấn gạo, trị giá 1,3 tỷ USD, tăng 2,2 lần về lượng và tăng 81,2% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Trong số các thị trường cung cấp, Myanmar tiếp tục là nguồn cung lớn nhất với 898.768 tấn, tăng 95,1% và chiếm 32,8% thị phần. Việt Nam đứng thứ hai với 664.777 tấn, tăng hơn 2,5 lần, chiếm 24,2%. Thái Lan xếp thứ ba với 614.962 tấn, tăng 93,8% và chiếm 22,4%. Đáng chú ý, Ấn Độ đạt 269.021 tấn, tăng gần 22 lần so với cùng kỳ, qua đó chiếm 9,8% thị phần.



Bangladesh: Theo số liệu mới nhất của Ngân hàng Bangladesh (BB), nhập khẩu gạo của nước này trong giai đoạn tháng 7-11/2025 đã tăng vọt hơn 1.256% so với cùng kỳ năm trước, đạt 271,2 triệu USD.

Phần lớn lượng gạo nhập khẩu đến từ khu vực tư nhân, chủ yếu từ Ấn Độ – nơi giá gạo

duy trì ở mức thấp trong những tháng gần đây. Các nhà nhập khẩu đã tận dụng mức giá quốc tế thấp và những lo ngại về nguồn cung trong nước.

Giá gạo trong nước tăng mạnh được cho là do việc tạm dừng nhập khẩu trong thời điểm thu hoạch rộ vụ Aman, chủ yếu vào tháng 12, nhằm bảo vệ lợi ích của người trồng lúa.

Thông tin tới từ The Financial Express, các quan chức thuộc Cục Lương thực cho biết giá gạo, đặc biệt là các loại gạo chất lượng cao, vẫn ở mức cao, gây sức ép lên ngân sách hộ gia đình trong bối cảnh lạm phát chung vẫn cao.

Họ cũng cho biết nhập khẩu lương thực có thể tiếp tục tăng, khi chính phủ lại cho phép khu vực tư nhân nhập khẩu với mục tiêu hạ nhiệt thị trường gạo.

Bộ Lương thực thường dựa vào hoạt động nhập khẩu của khu vực tư nhân để xử lý tình trạng thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn. Tuy nhiên, một bộ phận các nhà kinh tế cảnh báo rằng phụ thuộc quá nhiều vào nhập khẩu có thể làm giảm giá thu mua của nông dân, ảnh hưởng đến người trồng lúa và làm suy giảm thu nhập của họ.

Các quan chức Cục Lương thực cho biết áp lực tăng giá hiện chủ yếu tập trung ở các loại gạo chất lượng cao – vốn được tiêu dùng rộng rãi. Đồng thời, giá các loại gạo phẩm cấp thấp hơn vẫn duy trì ở mức tương đối ổn định.

Bangladesh sản xuất khoảng 40 triệu tấn gạo và thường tự đảm bảo nhu cầu trong những năm thời tiết thuận lợi. Tuy nhiên, thời tiết thất thường, chi phí đầu vào tăng cao và những bất cập trong thị trường đã khiến giá gạo trở nên cao hơn và kém ổn định hơn.

3 Diễn biến giá

Theo Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO), chỉ số giá gạo toàn cầu của FAO đạt mức trung bình 101 điểm trong tháng 12, tăng 4,3% so với tháng trước nhưng vẫn giảm 15,2% so với cùng kỳ năm ngoái.

Mặc dù giá gạo có sự cải thiện trong quý IV do lo ngại nguồn cung bị ảnh hưởng bởi lũ lụt tại Thái Lan và Việt Nam, cùng với biến động tỷ giá, nhưng mặt bằng chung vẫn thấp hơn đáng kể so với năm trước.

Tính chung năm 2025, chỉ số giá gạo toàn cầu đạt trung bình 103,5 điểm - mức thấp nhất trong sáu năm qua kể từ 2019, giảm 35,2% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung dồi dào, cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu và một số thị trường châu Á cắt giảm nhập khẩu.

Trong một báo cáo riêng, FAO nhận định thương mại gạo toàn cầu đã phục hồi trong giai đoạn 2024–2025 nhờ nguồn cung xuất khẩu dồi dào, lượng tồn kho thấp tại các nước nhập khẩu và việc Ấn Độ dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu. Báo cáo Triển vọng Lương thực của FAO cũng nhấn mạnh rằng nguồn cung dồi dào đã làm gia tăng cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu, qua đó đẩy giá gạo quốc tế liên tục giảm kể từ tháng 5.

Báo cáo cũng chỉ ra rằng sự vắng mặt của các nước nhập khẩu lớn đã gây thêm áp lực giảm giá gạo trên thị trường quốc tế, đặc biệt là gạo Indica. Trong đó, Indonesia không tham gia thị trường và Philippines tạm thời áp dụng lệnh cấm nhập khẩu mặt hàng lương thực thiết yếu này.

FAO cho biết giá gạo giảm ở tất cả các phân khúc thị trường chính trong năm 2025, trong đó gạo trắng Indica chịu mức giảm mạnh nhất,

xuống còn 106,9 điểm, tương đương mức giảm 26,1% so với năm 2024. Giá gạo thơm giảm 9,2% xuống còn 93,4 điểm; gạo Japonica giảm 5,7% xuống 95,7 điểm; trong khi giá gạo nếp giảm 4,7% xuống còn 102,3 điểm (**Bảng 1**).

Trong nửa đầu tháng 1/2026, giá gạo xuất khẩu từ Thái Lan và Việt Nam có xu hướng giảm trở lại do nhu cầu yếu và hoạt động thị trường kém sôi động.

Tính đến ngày 15/1, gạo 5% tấm của Việt Nam được chào bán ở mức 362–366 USD/tấn, giảm khoảng 4 USD/tấn so với một tháng trước. Các thương nhân cho biết hoạt động giao dịch vẫn trầm lắng do nhu cầu yếu và nguồn cung tăng từ các đối thủ cạnh tranh.

Bảng 1: Diễn biến giá gạo thế giới trong tháng 12 và năm 2025

Nguồn: FAO.

Nước sản xuất	Loại gạo	Tháng 12/2025 (USD/tấn)	So với tháng 11/2025 (%)	So với cuối quý III/2025 (%)	So với cùng kỳ năm 2024 (%)	Năm 2025 (USD/tấn)	So với năm 2024 (%)
Ấn Độ	Basmati	925	▲ 0,0	▲ 0,0	▼ 11,9	908	▼ 29,8
	Trắng 25% tấm	333	▲ 0,8	▼ 7,0	▼ 22,1	360	▼ 19,4
	Trắng 5% tấm	348	▲ 1,0	▼ 7,2	▼ 21,8	376	▼ 18,2
	Gạo đỏ 5% tấm	355	▲ 1,4	▲ 0,6	▼ 19,2	380	▼ 26,0
Pakistan	Basmati	985	▼ 4,7	▼ 9,5	▲ 2,2	1.018	▲ 8,5
	Trắng 25% tấm	330	▲ 3,6	▼ 2,9	▼ 17,9	349	▼ 30,0
	Trắng 5% tấm	355	▲ 4,3	▼ 2,1	▼ 21,2	378	▼ 31,4
Thái Lan	Trắng 100% tấm	440	▲ 14,6	▲ 13,0	▼ 18,8	423	▼ 29,9
	Trắng 25% tấm	414	▲ 14,5	▲ 13,0	▼ 17,2	396	▼ 29,2
	A1 Super	381	▲ 12,2	▲ 11,7	▼ 7,5	358	▼ 22,3
	Hom Mali	1.171	▲ 11,0	▲ 3,4	▲ 22,5	1.072	▲ 11,6
	Nếp 10% tấm	921	▲ 23,2	▲ 13,7	▲ 9,2	795	▼ 3,4
	Đỏ 100%	438	▲ 14,0	▲ 11,0	▼ 18,3	426	▼ 28,4
Việt Nam	Nếp 10% tấm	542	▲ 5,7	▲ 7,0	▼ 10,3	553	▼ 6,5
	Trắng 25% tấm	339	▼ 0,5	▼ 3,7	▼ 25,0	359	▼ 31,4
	Trắng 5% tấm	361	▲ 0,1	▼ 2,9	▼ 25,6	383	▼ 30,8
	Thơm 5% tấm	431	▲ 2,7	▼ 3,3	▼ 31,6	468	▼ 25,3
Campuchia	Thơm 5% tấm	820	▲ 2,5	▼ 11,3	▼ 8,4	895	▼ 4,1
Mỹ	Gạo trắng 4% tấm	893	▲ 4,7	▲ 11,7	▲ 15,2	809	▼ 11,0
	Calrose 4% tấm	561	▼ 1,8	▼ 6,9	▼ 23,2	640	▼ 16,1
Argentina	Trắng 5% tấm	437	▲ 3,3	▼ 10,4	▼ 38,0	529	▼ 30,9
Brazil	Trắng 5% tấm	453	▼ 2,6	▼ 10,2	▼ 33,8	540	▼ 32,3
Uruguay	Trắng 5% tấm	467	▼ 0,9	▼ 6,8	▼ 34,1	543	▼ 30,9

Việt Nam dự kiến ký một thỏa thuận xuất khẩu 2,5 triệu tấn gạo sang Philippines trong năm nay, vài tháng sau khi quốc gia láng giềng, cũng là thị trường nhập khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam, tạm ngừng nhập khẩu.

Gạo 5% tấm của Thái Lan được chào bán ở mức 370–375 USD/tấn, thấp nhất kể từ ngày 4/12 và giảm 25 USD/tấn so với mức 400 USD/tấn của tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu yếu và không có các giao dịch lớn. Biến động tỷ giá hối đoái và giá cả trong nước cũng góp kéo giá xuất khẩu đi xuống, trong khi nguồn cung đang dư thừa do sản lượng gạo trong khu vực gia tăng.

Trong khi đó, giá gạo trong nước tại Bangladesh vẫn ở mức cao bất chấp vụ thu hoạch tốt và lượng dự trữ dồi dào nhờ nhập khẩu, làm gia tăng thêm gánh nặng tài chính cho các hộ gia đình thu nhập thấp.

Tại Ấn Độ, giá gạo đỏ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức 353–358 USD/tấn, giảm so với mức 355–360 USD/tấn của tuần trước nhưng vẫn tăng nhẹ so với mức 347–354 USD/tấn của tháng trước. Gạo trắng 5% tấm của Ấn Độ được giao dịch ở mức 350–354 USD/tấn.

Người mua nước ngoài đang trì hoãn việc mua vào, với dự đoán giá sẽ giảm do nguồn cung dồi dào từ vụ mùa lớn của Ấn Độ.

Các quan chức ngành và giới thương mại tại Ấn Độ nhận định, giá gạo thế giới được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực trong năm 2026, khi các quốc gia sản xuất lớn như Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam cạnh tranh để giải phóng nguồn cung dư thừa, trong bối cảnh khách hàng trì hoãn việc mua vào.

Giá gạo thấp hơn sẽ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng nhạy cảm về giá tại châu Phi và nhiều khu vực khác, nhưng có khả năng sẽ làm giảm thu nhập vốn đã ít ỏi của nông dân châu Á, nơi sản xuất gần 90% lượng gạo toàn cầu.

Giá gạo Ấn Độ có thể giảm 15 - 25 USD/tấn vào tháng 3, do nguồn cung tăng lên từ vụ mùa mới, được ước tính là một vụ mùa kỷ lục, ông Gupta chia sẻ bên lề Hội nghị Thượng đỉnh Lúa gạo Quốc tế Ấn Độ. Ấn Độ hiện là nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới, chiếm gần 40% lượng giao dịch toàn cầu.

Ông Niraj Kumar, Giám đốc mảng kinh doanh gạo Ấn Độ tại Aditya Birla Global Trading, cho biết vụ mùa mới đang làm tăng thêm lượng tồn kho lớn sẵn có từ mùa trước, khiến giá gạo Ấn Độ xuống thấp hơn so với giá chào bán của Thái Lan và Việt Nam.

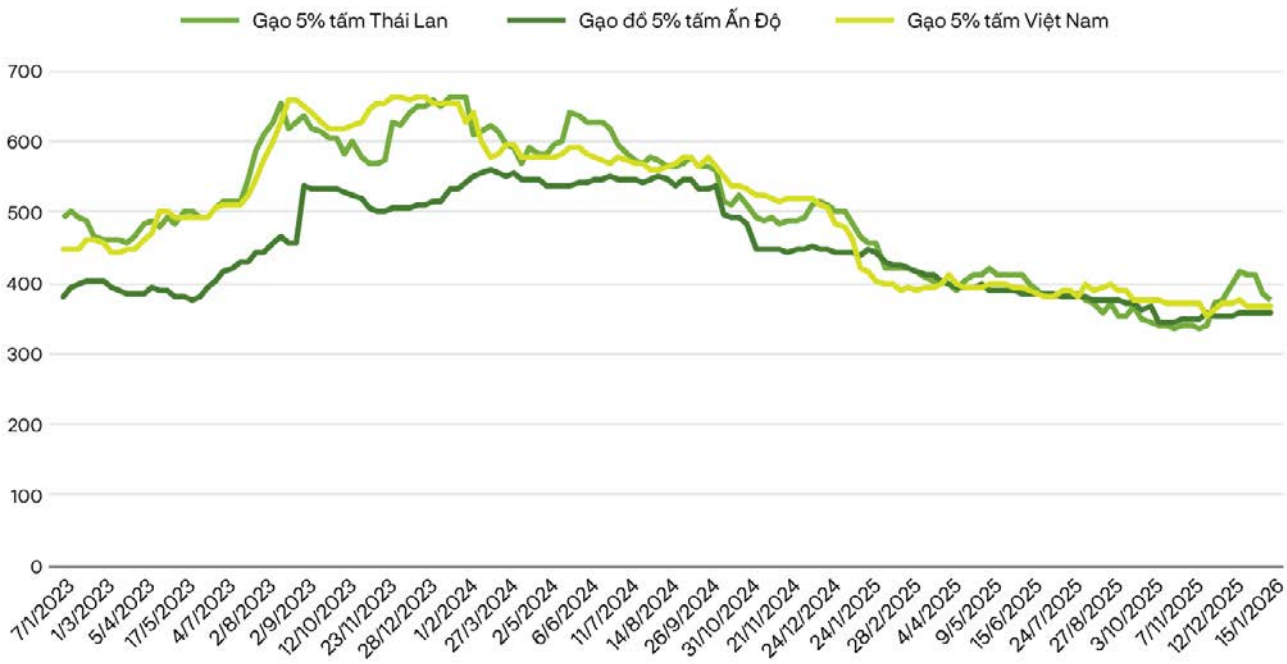
Theo số liệu của chính phủ, lượng gạo dự trữ trong các kho của chính phủ Ấn Độ đã tăng gần 12% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt mức kỷ lục 57,57 triệu tấn vào đầu tháng 12, sau khi các cơ quan nhà nước tăng cường thu mua lúa vụ mới.

Theo ước tính của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), sản lượng gạo toàn cầu dự kiến đạt kỷ lục 556,4 triệu tấn trong niên vụ 2025-2026, tăng 1,2% so với năm trước.

Các quốc gia nhập khẩu chính như Indonesia và Philippines gần đây đã áp đặt hạn chế nhập khẩu gạo, làm gia tăng cạnh tranh giữa các nhà xuất khẩu đang tìm kiếm thị phần lớn hơn ở các thị trường khác, ông Mukesh Jain, Chủ tịch Hiệp hội Xuất khẩu Gạo Chhattisgarh, nhận định (**Biểu đồ 1**). ■

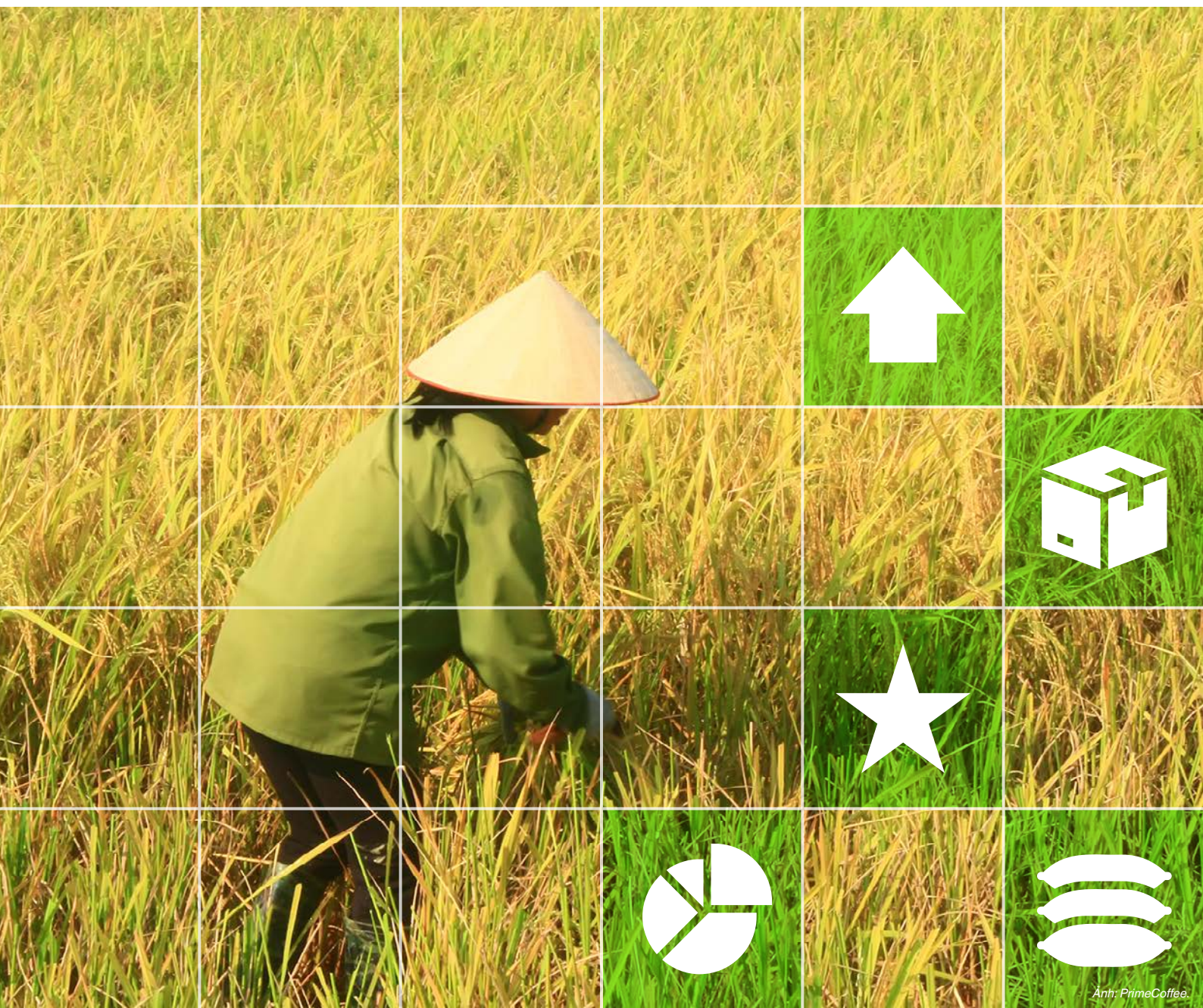
Biểu đồ 1: Diễn biến giá gạo thế giới từ năm 2023 đến ngày 15/1/2026

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Tổng hợp từ Reuters.



Phần II:

Thị trường gạo Việt Nam



Năm 2025, xuất khẩu gạo của Việt Nam giảm mạnh cả về sản lượng lẫn giá trị trong bối cảnh giá gạo thế giới lao dốc và nhu cầu tại nhiều thị trường chủ lực suy yếu, đặc biệt là Philippines. Theo số liệu của Cục Hải quan, trong năm 2025, Việt Nam xuất khẩu 8,06 triệu tấn gạo với kim ngạch 4,1 tỷ USD, giảm 10,8% về lượng và 27,6% về trị giá so với năm 2024. Giá xuất khẩu bình quân đạt 509 USD/tấn, giảm 18,8% so với năm trước.

1 Sản xuất

Tính đến ngày 31/12/2025, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL, vụ Thu Đông 2025 đã xuống giống được 623 nghìn ha/638 nghìn ha diện tích kế hoạch đạt 97,5%, thu hoạch được 562 nghìn ha với năng suất khoảng 57,52 tạ/ha, sản lượng ước đạt 3,230 triệu tấn lúa.

Vụ Mùa 2025-2026: xuống giống được 165 nghìn ha/175 nghìn ha diện tích kế hoạch đạt 94,07%, thu hoạch được 39 nghìn ha với năng suất khoảng 56,79 tạ/ha, sản lượng ước đạt 219 nghìn tấn lúa.

Vụ Đông Xuân 2024-2025 đã xuống giống được 921 nghìn ha/1,266 triệu ha đã đạt 72,78% diện tích kế hoạch, đã bắt đầu thu hoạch.

Theo Cục Thống kê, diện tích lúa cả năm 2025 ước đạt 7,13 triệu ha, giảm 1,1 nghìn ha so với năm 2024, chủ yếu do tiếp tục chuyển đổi một phần diện tích đất lúa sang trồng các loại cây khác có hiệu quả kinh tế cao hơn và đất phi nông nghiệp. Tuy diện tích giảm nhẹ nhưng năng suất lúa cả năm ước đạt 61,1 tạ/ha, tăng

0,1 tạ/ha so với năm 2024 nhờ áp dụng giống lúa mới, kỹ thuật canh tác được cải thiện và thời tiết thuận lợi; sản lượng lúa cả năm ước đạt 43,5 triệu tấn, tăng 88,6 nghìn tấn và cao nhất trong 4 năm qua.

Nhìn chung, mặc dù thời tiết không thuận lợi nhưng năng suất và sản lượng lúa cả năm 2025 vẫn duy trì mức tăng trưởng so với năm trước nhờ chuyển đổi cơ cấu giống lúa hợp lý, sản xuất lúa gạo theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả, bền vững, đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong quá trình sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Sản xuất lúa gạo năm 2025 đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng trong nước, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và phục vụ chế biến, xuất khẩu.

2 Xuất khẩu

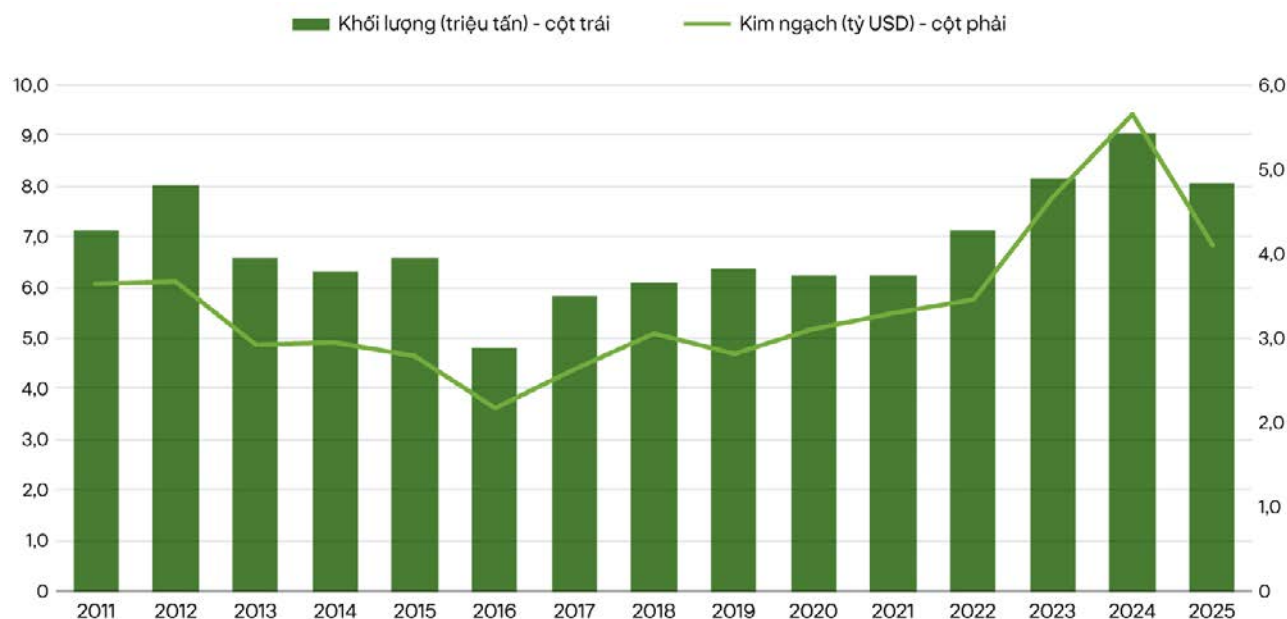
Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 12/2025, xuất khẩu gạo của Việt Nam đạt 522.387 tấn, trị giá 248,77 triệu USD, tăng mạnh 39,6% về lượng và 30,8% về trị giá so với tháng trước, nhưng vẫn giảm 10,4% về lượng và 31,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2024.

Tính chung trong năm 2025, xuất khẩu gạo đạt 8,06 triệu tấn với trị giá 4,1 tỷ USD, giảm 10,8% về lượng và giảm 27,6% về trị giá so với năm 2024 – năm xuất khẩu cao nhất trong lịch sử ngành gạo. Đây cũng là khối lượng và kim ngạch xuất khẩu thấp nhất trong ba năm qua, song so với giai đoạn từ năm 2022 trở về trước vẫn cao hơn đáng kể.

Xuất khẩu gạo năm 2025 sụt giảm do chịu tác động kép bởi giá gạo toàn cầu rơi xuống mức thấp nhất trong nhiều năm sau khi Ấn Độ dỡ bỏ hoàn toàn các hạn chế xuất khẩu, làm gia tăng nguồn cung trên thị trường quốc tế. Trong khi đó, nhu cầu suy yếu tại các nước tiêu thụ hàng đầu như Philippines hay Indonesia (**Biểu đồ 2**).

Biểu đồ 2: Xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn năm 2011 – 2025

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.

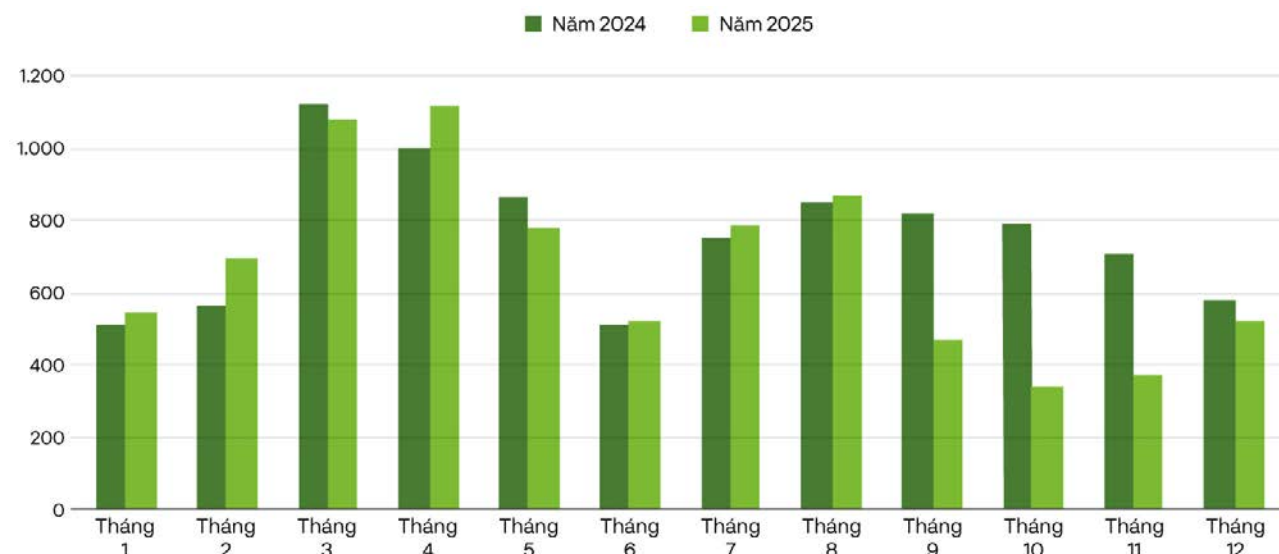


Hoạt động xuất khẩu gạo bắt đầu sụt giảm sau khi Philippines – thị trường xuất khẩu chủ lực, tạm dừng nhập khẩu trong 4 tháng cuối năm, kể từ tháng 9/2025 để hỗ trợ người nông dân trong nước do giá giảm trong mùa thu hoạch cao điểm.

Thống kê cho thấy, trong bốn tháng cuối cùng của năm 2025, xuất khẩu gạo của Việt Nam chỉ đạt bình quân 422.126 tấn/tháng, tương ứng giảm 58% so với mức bình quân khoảng 1 triệu tấn/tháng trong giai đoạn từ tháng 1 đến tháng 8, thời điểm trước khi lệnh cấm của Philippines có hiệu lực. Đồng thời, con số này cũng giảm khoảng 41,6% so với 723.340 tấn trong cùng năm 2024 (**Biểu đồ 3, 4**).

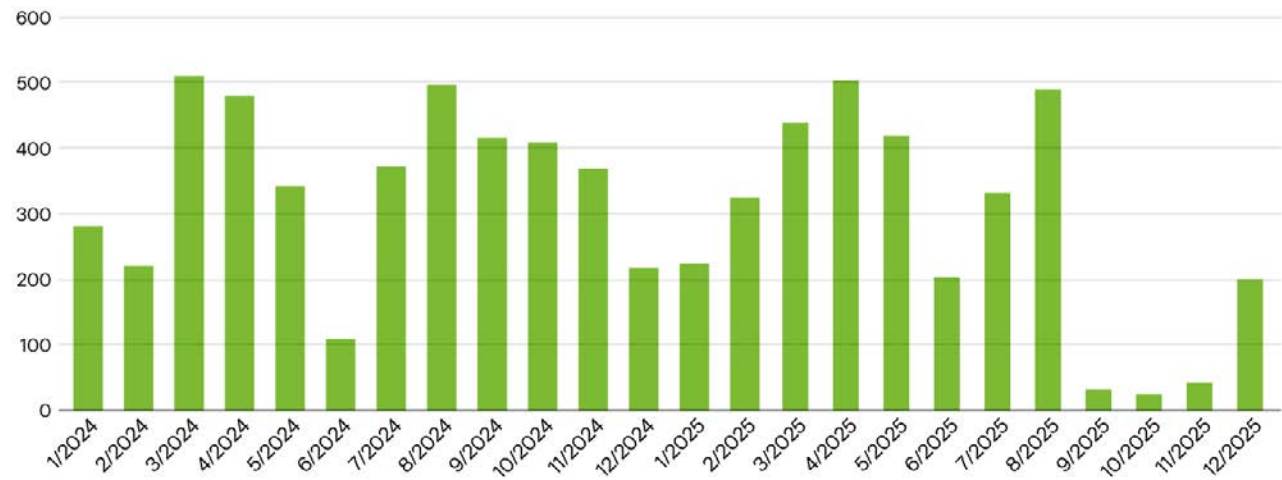
Biểu đồ 3: Lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng năm 2024-2025

Đơn vị: Nghìn tấn. Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Biểu đồ 4: Lượng gạo xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines qua các tháng năm 2024-2025

Đơn vị: Nghìn tấn. Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Theo đó, xuất khẩu gạo sang Philippines trong bốn tháng cuối năm chỉ đạt 281.496 tấn (chủ yếu là gạo giống Nhật, loại gạo không bị hạn chế nhập khẩu), tương ứng giảm 80% so với mức 1,4 triệu tấn của cùng kỳ năm 2024.

Kết thúc năm 2025, Philippines tiếp tục là khách hàng lớn nhất của gạo Việt Nam, chiếm 39,8% về lượng và 38,3% về trị giá xuất khẩu, tương ứng đạt 3,2 triệu tấn và 1,57 tỷ USD. Tuy nhiên, so với năm 2024, xuất khẩu sang thị trường này giảm mạnh 24% về lượng và 39,8% về trị giá.

Bên cạnh đó, xuất khẩu sang hai thị trường lớn khác là Indonesia và Malaysia cũng giảm

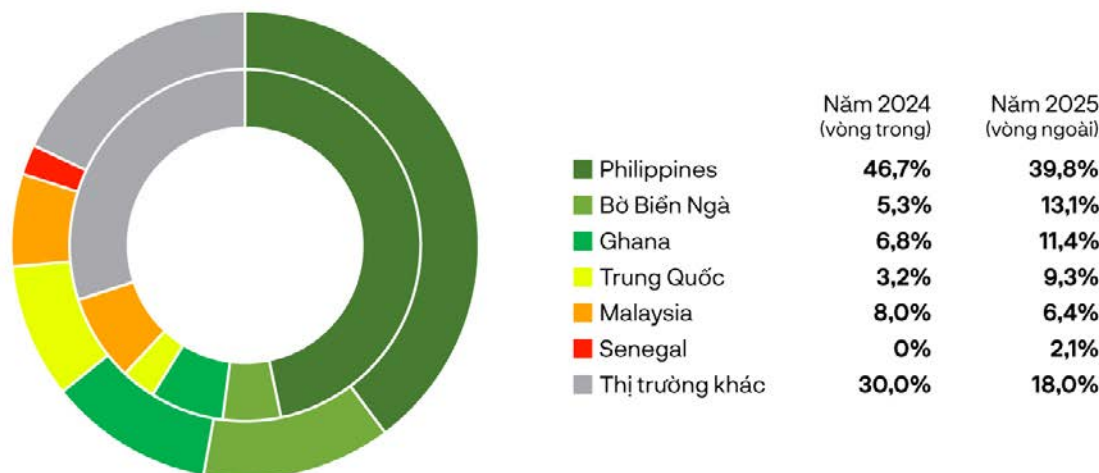
mạnh trong năm vừa qua, lần lượt giảm 28,4% và 96,2%, chỉ đạt 515.097 tấn và 47.315 tấn.

Ngược lại, năm 2025 ghi nhận sự tăng trưởng mạnh ở các thị trường Trung Quốc và nhiều nước châu Phi. Đặc biệt, Bờ Biển Ngà vươn lên vị trí thị trường lớn thứ hai của gạo Việt Nam, với hơn 1 triệu tấn, tăng 118,5% so với 2024. Theo sau là Ghana với 919.214 tấn, tăng 50% và Trung Quốc đạt 747.327 tấn, tăng 162%.

Đáng chú ý, một số thị trường ghi nhận mức tăng “bùng nổ”: xuất khẩu sang Senegal tăng hơn 67 lần (6.618%), đạt 168.020 tấn; trong khi xuất khẩu sang Bangladesh tăng hơn 203 lần (20.204%), đạt 105.175 tấn (**Biểu đồ 5, Bảng 2**).

Biểu đồ 5: Cơ cấu thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong năm 2024 và năm 2025

Đơn vị: % theo khối lượng. Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.



Bảng 2: Thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam trong tháng 12 và năm 2025

Nguồn: Số liệu từ Cục Hải quan Việt Nam.

Thị trường xuất khẩu	Tháng 12/2025		So với tháng 11/2025 (%)		So với tháng 12/2024 (%)		Năm 2025		So với năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (%)	Trị giá (%)	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng (%)	Trị giá (%)
Tổng	522.387	248.770	▲ 39,6	▲ 30,8	▼ 10,4	▼ 31,7	8.062.838	4.103.645	▼ 10,8	▼ 27,6
Philippines	198.455	91.050	▲ 357,7	▲ 272,9	▼ 8,9	▼ 33,9	3.206.575	1.572.217	▼ 24,0	▼ 39,8
Bờ Biển Ngà	68.366	27.406	▼ 4,4	▼ 7,7	▲ 51,5	▲ 7,4	1.055.303	478.259	▲ 118,5	▲ 67,5
Ghana	44.824	23.106	▲ 15,2	▲ 6,9	▲ 13,5	▼ 17,9	919.214	513.939	▲ 50,0	▲ 21,3
Trung Quốc	60.295	26.996	▲ 5,8	▼ 1,3	▲ 128,0	▲ 69,8	747.327	373.816	▲ 162,0	▲ 122,7
Malaysia	46.207	20.117	▼ 19,8	▼ 18,3	▲ 136,9	▲ 73,1	515.097	239.864	▼ 28,4	▼ 43,7
Senegal	1.411	624	▲ 64,1	▲ 103,5	▲ 464,4	▲ 239,5	168.020	52.569	▲ 6.618	▲ 2.865
Singapore	5.693	3.351	▼ 2,7	▼ 3,3	▼ 57,2	▼ 63,7	145.997	83.936	▼ 7,6	▼ 19,5
Mozambique	8.901	4.847	▲ 36,1	▲ 38,7	▲ 43,6	▲ 9,1	106.777	59.121	▲ 16,6	▼ 6,7
Bangladesh	42	31	▼ 61,8	▼ 52,8	▼ 46,8	▼ 47,1	105.175	50.058	▲ 20.204	▲ 12.403
UAE	7.787	4.711	▲ 2,9	▲ 0,4	▲ 42,3	▲ 20,9	69.233	43.909	▲ 24,0	▲ 9,3
Hong Kong	6.104	3.484	▲ 45,6	▲ 40,4	▼ 2,5	▼ 20,5	62.691	37.613	▲ 12,0	▼ 2,3
Indonesia	6.473	3.037	▲ 33,4	▲ 41,6	▼ 94,9	▼ 95,5	47.315	21.633	▼ 96,2	▼ 97,1
Australia	3.956	2.822	▼ 1,2	▼ 3,1	▼ 10,6	▼ 20,3	40.810	30.841	▼ 9,7	▼ 13,8
Ả Rập Xê út	4.658	2.729	▲ 23,8	▲ 18,1	▲ 51,4	▲ 17,7	40.056	26.067	▲ 1,0	▼ 12,7
Campuchia	1.989	992	▲ 11,6	▼ 6,3	▼ 57,2	▼ 66,4	39.236	24.091	▼ 32,9	▼ 35,3
Mỹ	3.134	2.453	▲ 52,1	▲ 49,6	▼ 17,3	▼ 33,9	33.086	28.733	▼ 0,4	▼ 4,9
Đài Loan	2.134	1.091	▲ 306,5	▲ 297,9	▲ 203,1	▲ 137,3	19.178	10.889	▼ 0,6	▼ 12,1
Hà Lan	1.070	808	▲ 96,7	▲ 128,7	▲ 3,2	▼ 10,0	14.037	10.689	▲ 30,9	▲ 17,4
Ba Lan	469	377	▼ 48,6	▼ 34,8	▼ 33,8	▼ 33,8	11.643	8.885	▲ 4,3	▲ 3,2
Thổ Nhĩ Kỳ	103	64	▼ 22,0	▼ 32,4			11.047	6.764	▼ 24,8	▼ 28,0
Nam Phi	1.059	684	▲ 129,7	▲ 114,2	▲ 58,5	▲ 24,9	9.853	6.370	▲ 8,2	▼ 6,4
Tanzania	453	273	▲ 190,4	▲ 176,5	▼ 71,0	▼ 77,5	6.229	4.000	▼ 17,3	▼ 28,8
Nga	182	100	▼ 67,3	▼ 63,9	▼ 68,3	▼ 75,2	5.688	3.416	▼ 48,6	▼ 56,1
Pháp	497	334	▲ 52,5	▲ 47,8	▲ 5,5	▼ 13,2	4.516	3.465	▼ 1,1	▼ 6,7
Chile	28	20			▼ 39,1	▼ 52,3	3.449	2.194	▲ 136,2	▲ 133,1
Tây Ban Nha	122	76	▼ 34,8	▼ 53,2	▼ 17,0	▼ 41,1	2.752	2.016	▲ 12,1	▲ 1,8
Ukraine	311	225	▲ 144,9	▲ 142,0			2.526	1.743	▼ 76,9	▼ 75,2
Angola	123	67	▲ 68,5	▲ 128,7	▲ 24,2	▲ 34,9	1.521	782	▼ 28,6	▼ 47,6
Iraq							318	254	▲ 26,2	▲ 18,8
Bi							128	108	▼ 86,4	▼ 81,5
Brunei			▼ 100,0	▼ 100,0			110	112	▲ 0,9	▲ 7,6
Algeria							100	90	▲ 23,5	▲ 71,5
Khác	47.541	26.896	▼ 21,1	▼ 23,9	▼ 12,0	▼ 29,6	667.831	405.204	▼ 17,6	▼ 26,1

3 Diễn biến giá

Giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam năm 2025 đạt 509 USD/tấn, giảm 18,8% (tương đương 118 USD/tấn) so với năm 2024 và thấp hơn 11,5% so với năm 2023. Riêng trong tháng 12/2025, giá xuất khẩu bình quân đạt 476 USD/tấn, giảm 6,3% so với tháng trước và giảm 23,7% so với cùng kỳ tháng 12/2024.

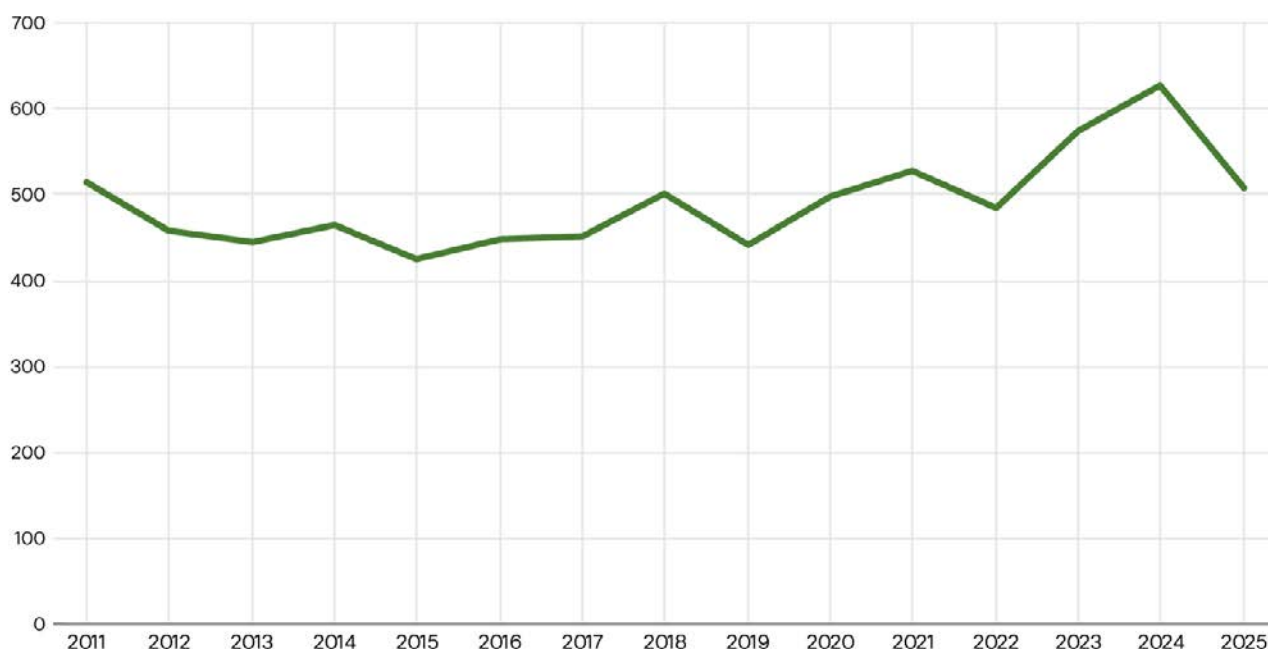
Như vậy, sau hai năm tăng mạnh và duy trì ở mức cao, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam đang dần trở về mặt bằng của giai đoạn năm 2022 trở về trước. Diễn biến này cho thấy nguồn cung gạo toàn cầu đã hồi phục về mức bình thường, sau khi bị thu hẹp bởi tác động của hiện tượng El Niño trong giai đoạn 2023–2024 (Biểu đồ 6).

Tương tự diễn biến giá trên thị trường thế giới, theo dữ liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), trong quý IV, giá lúa thường tại ruộng và giá tấm tăng nhẹ lần lượt 1,8% và 2,4%, trong khi giá các loại gạo xuất khẩu lại giảm từ 4% đến 5,4%.

Tính đến cuối năm 2025, giá lúa thường tại ruộng và tại kho lần lượt đạt 5.350 đồng/kg và 6.517 đồng/kg, giảm tương ứng 42,2% và 38,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá các loại gạo xuất khẩu cũng ghi nhận mức giảm trên 40%, với gạo 5% tấm còn 9.440 đồng/kg, gạo 15% tấm đạt 8.850 đồng/kg và gạo 25% tấm ở mức 8.471 đồng/kg (**Bảng 3**). ■

Biểu đồ 6: Diễn biến giá gạo xuất khẩu bình quân của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2025

Đơn vị: USD/tấn. Nguồn: Số liệu từ Tổng cục Hải quan.



Bảng 3: Diễn biến giá lúa tại An Giang tính đến ngày 31/12/2025

Nguồn: Tổng hợp số liệu từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Chủng loại	Tại ngày 31/12/2025	So sánh tăng/giảm					
		So với 1 tháng trước		So với cuối quý III/2025		So với cùng kỳ năm 2024	
	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg	%	đồng/kg
Lúa thường tại ruộng	5.350	▲ 0,7	▲ 36	▲ 1,8	▲ 93	▼ 42,2	▼ 3.907
Lúa thường tại kho	6.517	▼ 0,1	▼ 8	▼ 0,6	▼ 41	▼ 38,3	▼ 4.042
Lứt loại 1	8.283	▼ 1,8	▼ 150	▼ 2,5	▼ 209	▼ 40,3	▼ 5.580
Xát trắng loại 1	9.440	▼ 2,1	▼ 200	▼ 4,1	▼ 400	▼ 41,4	▼ 6.673
5% tấm	9.093	▼ 0,9	▼ 86	▼ 4,9	▼ 464	▼ 41,3	▼ 6.386
15% tấm	8.850	▼ 0,8	▼ 71	▼ 4,9	▼ 457	▼ 42,1	▼ 6.425
25% tấm	8.471	▼ 0,8	▼ 72	▼ 5,4	▼ 486	▼ 43,5	▼ 6.521
Tấm 1/2	7.568	▲ 1,9	▲ 143	▲ 2,4	▲ 175	▼ 36,5	▼ 4.353
Cám xát/lau	6.550	▲ 1,7	▲ 112	▲ 0,0	▲ 0	▼ 1,7	▼ 114

Phần III:

Dự báo



Theo thông tin từ phía doanh nghiệp, xuất khẩu gạo năm 2026 sang Philippines và Indonesia sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Tuy nhiên, vẫn có tín hiệu lạc quan khi nhu cầu gạo của Trung Quốc (bao gồm Hong Kong), Malaysia và châu Phi được dự báo duy trì ổn định. Tổng sản lượng xuất khẩu toàn ngành nhiều khả năng vẫn có thể duy trì ở mức 7,5–8 triệu tấn, tương đương năm 2025.

Song song đó, việc Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng tháo gỡ “điểm nghẽn” trong hoàn thuế giá trị gia tăng là tín hiệu tích cực đối với cộng đồng doanh nghiệp trước mùa vụ mới.

Còn theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), về mặt thị trường, trong năm 2026 có nhiều khó khăn và thách thức. Nguồn cung thế giới dồi dào cũng ảnh hưởng lớn đến các nhà xuất khẩu nói chung, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy mà năm nay kế hoạch xuất khẩu điều chỉnh giảm còn 7 triệu tấn.

Đây không hoàn toàn là vấn đề thị trường mà là định hướng chiến lược cho ngành gạo, theo Quyết định 583 của Thủ tướng Chính phủ ban hành tháng 5/2023. Chúng ta sẽ giảm dần sản lượng xuất khẩu đến năm 2030 chỉ còn khoảng 4 triệu tấn. Cùng với việc giảm lượng là tăng chất lượng và nâng cao giá trị để hướng đến phân khúc cao hơn.

Trong tháng 1/2026, Việt Nam xuất khoảng 250.000 tấn riêng cho thị trường Philippines nhưng giá không biến động nhiều vì lượng tồn kho gối đầu từ năm 2025 chuyển sang tương đối cao. Ngoài ra, Philippines áp dụng chính sách nhập khẩu theo định mức khiến hoạt động xuất khẩu của Việt Nam gặp nhiều khó khăn, đặc biệt vào cao điểm thu hoạch.

Do vậy, theo VFA, để giải quyết câu chuyện giá lúa cho bà con nông dân trong vụ đông xuân sắp tới thì Chính phủ và các bộ ngành liên quan cần tạo điều kiện để doanh nghiệp có nguồn lực thu mua tạm trữ khi vào vụ thu hoạch. Bên cạnh đó, thúc đẩy các hợp đồng chính phủ với các nước như Ghana, Singapore... ■

Phần IV:

Hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành



Năm 2025, hoạt động xuất khẩu gạo của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thị trường thế giới nhiều biến động, cạnh tranh gia tăng và chính sách nhập khẩu của các nước thay đổi nhanh chóng. Dù phải đối mặt với không ít khó khăn, ngành gạo Việt Nam vẫn duy trì được vai trò quan trọng trên bản đồ lương thực toàn cầu. Ngành lúa gạo bước sang năm 2026 với nhiều thách thức mới, đòi hỏi sự chủ động điều chỉnh chiến lược từ cả cơ quan quản lý và cộng đồng doanh nghiệp.

Trả lời TTXVN, ông Phan Văn Có, Giám đốc Marketing Công ty TNHH gạo Vrice, cho biết dù sản lượng xuất khẩu năm 2025 cơ bản vẫn đạt kế hoạch, song giá xuất khẩu giảm mạnh đã kéo theo nhiều hệ lụy. Sản lượng xuất khẩu của doanh nghiệp vẫn đạt trên 90% kế hoạch, nhưng giá bán giảm sâu so với năm 2024 khiến giá trị xuất khẩu sụt giảm đáng kể. Nửa cuối năm 2025, đặc biệt sau thông tin Philippines tạm dừng nhập khẩu, giá gạo đã giảm hơn 30% so với đầu năm, khiến nhiều doanh nghiệp mua hàng sớm chịu thua lỗ nặng.

Theo ông Phan Văn Có, các thị trường nhập khẩu truyền thống như Indonesia, Malaysia và Philippines chưa có tín hiệu rõ ràng về kế hoạch nhập khẩu năm 2026, khiến giao dịch lúa gạo rơi vào trạng thái cầm chừng. Riêng tại các thị trường này, sản lượng xuất khẩu của doanh nghiệp giảm khoảng 15–20%, buộc nhiều đơn vị phải thu hẹp hoạt động.

Không chỉ chịu áp lực từ giá và thị trường, nhiều doanh nghiệp còn đối mặt với khó khăn về thủ tục và chi phí phát sinh. Việc chậm trễ trong cấp giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) gần đây đã gây không ít trở ngại cho doanh nghiệp. Có những lô hàng đã cập cảng châu Âu nhưng

chưa thể thông quan do thiếu chứng nhận, doanh nghiệp buộc phải chịu chi phí lưu kho, lưu cảng lớn, làm gia tăng gánh nặng tài chính.

Cùng góc nhìn, ông Nguyễn Vĩnh Trọng, Giám đốc Kinh doanh Công ty Gạo Việt Hưng, đánh giá năm 2025 là giai đoạn doanh nghiệp phải xoay sở mạnh mẽ để giữ ổn định hoạt động. Nhờ đa dạng hóa thị trường, doanh nghiệp vẫn cơ bản đạt được các mục tiêu đề ra về sản lượng và giá trị. Tuy nhiên, việc các thị trường lớn như Philippines và Indonesia giảm mua đã tạo áp lực không nhỏ, buộc doanh nghiệp phải chuyển hướng sang những thị trường khác để bù đắp.

Theo ông Nguyễn Vĩnh Trọng, bối cảnh năm 2025 khiến doanh nghiệp không còn chạy theo số lượng mà ưu tiên kiểm soát rủi ro. Trong điều kiện giá gạo xuống thấp và nguồn cung dồi dào, doanh nghiệp chỉ ký hợp đồng khi đảm bảo hiệu quả, tránh rủi ro thua lỗ. Đây là năm mà yếu tố thận trọng được đặt lên hàng đầu.

Bức tranh xuất khẩu gạo năm 2026 được cả chuyên gia và giới kinh doanh dự báo tiếp tục đối mặt nhiều thách thức, đặc biệt là áp lực dư cung, cạnh tranh gay gắt và giá khó phục hồi mạnh. Trong bối cảnh đó, việc đa dạng hóa thị trường, chuyển dịch sang phân khúc chất lượng cao, phát triển gạo phát thải thấp và xây dựng thương hiệu được xem là hướng đi then chốt để gạo Việt Nam giữ vững vị thế và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.



Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - CTCP (Vinafood II, mã: VSF): Ngày 19/12, Tổng Công ty

Lương thực Miền Nam đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026.

Phát biểu tại Hội nghị, đồng chí Nguyễn Duy Hưng, Bí thư Đảng ủy, chủ tịch hội đồng quản trị của công ty, cho biết Vinafood II đã hoàn thành

khối lượng lớn nhiệm vụ, công việc quan trọng. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh hàng năm cơ bản đều đạt và có tăng trưởng hiệu quả, từng bước khắc phục khó khăn, chấm dứt tình trạng thua lỗ kéo dài trong nhiều năm trước.

Theo báo cáo từ phía công ty, tổng sản lượng ước tính thực hiện của công ty trong năm 2025 đạt 1,39 triệu tấn, đạt 100,06% so với chỉ tiêu kế hoạch đã điều chỉnh tăng trưởng 10% được Bộ Tài chính giao.

Về doanh thu, ước thực hiện năm 2025 là 17.517 tỷ đồng, đạt 100,09% so với kế hoạch (trong đó công ty mẹ đạt 10.305 tỷ đồng, đạt 100,05% so với kế hoạch). Lợi nhuận trước thuế của công ty trong năm 2025 đạt 104,6 tỷ đồng, đạt 101,73% so với kế hoạch (trong đó công ty mẹ lãi 5,5 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch).

Hội nghị cũng đề ra kế hoạch cho năm 2026 với mục tiêu tăng trưởng sản lượng đạt 1,52 triệu tấn, tăng 10% so với kết quả thực hiện của năm 2025 (trong đó công ty mẹ 821.000 tấn, tương đương với ước tính thực hiện năm 2025). Bên cạnh đó, mục tiêu doanh thu là 16.020 tỷ đồng (trong đó công ty mẹ 9.150 tỷ đồng). Về lợi nhuận trước thuế, kế hoạch năm 2026 là 106,241 tỷ đồng, tăng 1,6% so với ước tính thực hiện năm 2025 (trong đó công ty mẹ đạt 7 tỷ đồng, tăng 27,3%).



CTCP Lương thực TPHCM

(Foodcosa, mã: FCS): Theo báo cáo

tài chính quý IV/2025, Foodcosa ghi nhận lãi ròng 6,5 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay của doanh nghiệp. Dù quy mô lợi nhuận tuyệt đối không lớn, kết quả này đánh dấu sự cải thiện mạnh so với khoản lỗ 728 triệu đồng cùng kỳ năm trước.

So với quý III/2025, thời điểm doanh nghiệp lãi chưa tới 70 triệu đồng và vừa chấm dứt chuỗi thua lỗ kéo dài 5 quý liên tiếp, kết quả quý IV được xem là cú đảo chiều rõ nét nhất của Foodcosa trong nhiều năm trở lại đây.

Đáng chú ý, kết quả lãi đột biến không đến từ tăng trưởng doanh thu. Trong quý IV/2025, doanh thu của Foodcosa giảm 9% so với cùng kỳ, còn 92 tỷ đồng. Lợi nhuận cải thiện chủ yếu nhờ kiểm soát chi phí. Giá vốn hàng bán giảm 12%, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh tới 45%. Việc tiết giảm chi phí giúp Doanh nghiệp ghi nhận lãi thuần trở lại, đảo chiều so với tình trạng thua lỗ cùng kỳ.

Nhờ khoản lãi đột biến trong quý cuối năm, Foodcosa khép lại năm 2025 với lãi ròng 231 triệu đồng, may mắn thoát lỗ sau năm 2024 lỗ 1,5 tỷ đồng. Khoản lợi nhuận mỏng năm 2025 chưa đủ để bù đắp giai đoạn thua lỗ kéo dài từ năm 2016-2021. Tại cuối năm 2025, Công ty vẫn ghi nhận lỗ lũy kế hơn 194 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu của Doanh nghiệp ở mức 61 tỷ đồng. Ban lãnh đạo Foodcosa nhiều lần nhấn mạnh tình trạng thiếu hụt vốn lưu động nghiêm trọng, buộc Công ty phải tận dụng tối đa các nguồn lực hiện có để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 2025, Foodcosa đặt mục tiêu lợi nhuận chỉ 150 triệu đồng, thấp hơn đáng kể so với các năm trước, trong bối cảnh Doanh nghiệp liên tục không hoàn thành kế hoạch kinh doanh. Với kết quả lãi 231 triệu đồng, Công ty vượt khoảng gấp rưỡi kế hoạch lợi nhuận cả năm. Trong khi đó, doanh thu thuần 2025 đạt 327 tỷ đồng, giảm 19% so với năm trước và chỉ thực hiện được 81% kế hoạch đề ra.



**CTCP Tập đoàn Giống
cây trồng Việt Nam -
Vinaseed (mã: NSC):**

Vinaseed mới đây thông báo trả cổ tức đợt 2/2024 với tỷ lệ 20% bằng tiền (2.000 đồng/cp). Ngày giao dịch không hưởng quyền là 16/01. Ngày chi trả vào 28/01.

NSC hiện có hơn 17,57 triệu cp đang lưu hành, ước tính doanh nghiệp cần chi hơn 35 tỷ đồng để trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

Trong năm 2025, công ty đã có một đợt trả cổ tức 2024 với tỷ lệ 20%. Như vậy, tổng tỷ lệ cổ tức năm 2024 lên tới 40%, hoàn thành kế hoạch trả cổ tức 30-40% đề ra trước đó.

Kế hoạch cổ tức năm 2025 tiếp tục được duy trì ở mức 30-40%. Đồng thời, công ty lên kế hoạch doanh thu đạt 2.750 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế 310 tỷ đồng.

Trong 9 tháng đầu năm, công ty đạt doanh thu 1,530 tỷ đồng (tăng 3% so với cùng kỳ) và lãi trước thuế 152 tỷ đồng (giảm nhẹ 2%), thực hiện lần lượt 55% kế hoạch doanh thu và 49% kế hoạch lợi nhuận năm. Lãi ròng đạt 124 tỷ đồng, giảm 2.5%. ■

Phần V:

Chính sách



Philippines dự kiến nhập 3,6 triệu tấn gạo trong năm 2026, trong đó 75-80% đến từ Việt Nam

Thương vụ Việt Nam tại Philippines cho biết, ngày 9/1, Bộ trưởng Nông nghiệp Philippines Francisco P. Tiu Laurel Jr. đã có buổi tiếp và làm việc với thương vụ, trao đổi nhiều nội dung hợp tác, trọng tâm là thương mại về gạo.

Tại buổi làm việc, Bộ trưởng Francisco cho biết, Philippines có kế hoạch nhập khẩu 3,6 triệu tấn gạo trong năm 2026, trong đó 75% đến 80% sẽ nhập khẩu từ Việt Nam. Và trong năm 2026, Philippines sẽ không dừng nhập khẩu, tuy nhiên nước này sẽ thực hiện các biện pháp quản lý khối lượng nhập khẩu đặt biệt là trong thời gian vụ mùa thu hoạch của nông dân Philippines.

Ngoài ra, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Philippines cũng thông tin về mức thuế nhập khẩu đối với mặt hàng gạo của các nước đối tác, trong đó có Việt Nam.

Cảm ơn những thông tin từ Bộ trưởng Francisco, ông Lê Phú Cường, Tham tán Thương mại, Thương vụ Việt Nam tại Philippines cũng kiến nghị, Bộ Nông nghiệp Philippines lưu ý hơn đến cơ chế hợp tác giữa các nước trong ASEAN về việc tham vấn trước khi ban hành chính sách, nhất là trong năm 2026 là năm chủ nhà ASEAN của Philippines.

Về vấn đề cụ thể hóa thỏa thuận về gạo giữa hai nước, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Philippines thông báo hai nước có thể xúc tiến trao đổi để ký thỏa thuận về gạo với khối lượng 2,5 triệu tấn.

71.000 tấn gạo được cấp chứng nhận “Gạo Việt xanh phát thải thấp”

Ngành lúa gạo Việt Nam đang ghi nhận một bước chuyển đáng chú ý trong tiến trình sản xuất nông nghiệp với mục tiêu giảm phát thải khi 71.000 tấn gạo đã được chứng nhận theo nhãn hiệu “Gạo Việt xanh, phát thải thấp”. Thông tin do Hiệp hội Ngành hàng Lúa gạo Việt Nam (VIETRISA) công bố cho thấy những nỗ lực ban đầu của Việt Nam trong việc tái định vị chuỗi giá trị lúa gạo theo hướng bền vững hơn.

Các giống lúa được cấp chứng nhận chủ yếu thuộc nhóm chất lượng cao như OM18, Đài Thơm 8, ĐS1, ST25, cùng các giống lúa Nhật (Hana, Akita, Koshi) do Agrimex-Kitoku phát triển. Việc mở rộng sang nhóm giống ngoại nhập cho thấy doanh nghiệp Việt đang chủ động nhắm đến phân khúc thị trường cao cấp, nơi các tiêu chuẩn môi trường và phát thải ngày càng trở thành điều kiện bắt buộc.

Chứng nhận này là trọng tâm của chương trình 1 triệu hecta - sáng kiến do Chính phủ hỗ trợ nhằm phát triển một triệu hecta lúa chất lượng cao, phát thải thấp tại Đồng bằng sông Cửu Long vào năm 2030. Nhãn hiệu “Gạo Việt xanh, phát thải thấp” được xây dựng trên cơ sở truy xuất nguồn gốc và kiểm soát phát thải. VIETRISA cấp chứng nhận cho các sản phẩm đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn kỹ thuật của chương trình, với quá trình thẩm định do chính quyền địa phương hoặc các tổ chức quốc tế được công nhận thực hiện.

Gạo được chứng nhận phải xác định rõ khu vực sản xuất, giống lúa và mùa vụ, đồng thời tuân thủ các quy trình canh tác ít phát thải như quản lý nước hợp lý, giảm sử dụng phân bón hóa học và hạn chế đốt rơm rạ sau thu hoạch. Những yêu cầu này nhằm giảm phát thải khí nhà kính, đặc biệt là methane trong sản xuất lúa gạo.

Theo đại diện VIETRISA, đến nay hiệp hội đã cấp giấy chứng nhận sử dụng nhãn hiệu cho 8 doanh nghiệp với tổng diện tích canh tác khoảng 18.000 ha. Các doanh nghiệp này hiện đang xuất khẩu khoảng 70.000 tấn gạo phát thải thấp trong tổng số khoảng 400 doanh nghiệp xuất khẩu gạo trên cả nước.

VIETRISA cho biết Việt Nam hiện là quốc gia đầu tiên trên thế giới triển khai sản xuất và xuất khẩu gạo phát thải thấp theo khuôn khổ chứng nhận quốc gia. Dù số lượng doanh

ng nghiệp tham gia còn hạn chế, hoạt động xuất khẩu này được xem là bước đi ban đầu trong việc tích hợp yếu tố phát thải vào thương mại nông nghiệp một cách có hệ thống.

Đối với các nhà nhập khẩu và nhà đầu tư quốc tế, chứng nhận phát thải thấp mang lại tín hiệu đáng tin cậy hơn so với các tuyên bố môi trường mang tính tự nguyện, bởi các chỉ số phát thải gắn trực tiếp với thực hành canh tác có thể truy vết, thay vì dựa vào các cơ chế bù trừ carbon.

Phụ lục

NGUỒN THAM KHẢO

Bộ Công Thương	Tổng cục Hải quan Trung Quốc
Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA)	Bộ Thương mại Ấn Độ
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn	Reuters
Tổng cục Hải quan	Phnompenhpost
Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA)	Bloomberg
Hội đồng ngũ cốc quốc tế (IGC)	Pakistantoday, Vietstock
Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hiệp Quốc (FAO)	Báo Thanh Niên, TTXVN

BẢN QUYỀN

Báo cáo “Thị trường lúa gạo năm 2025” được biên tập viên mục Hàng hóa của VietnamBiz tổng hợp và trình bày. Các số liệu, thông tin và những phân tích được tổng hợp trong báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không được sử dụng như lời khuyên cho việc tư vấn kinh doanh, tài chính và những lĩnh vực chuyên nghiệp khác.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Thông tin và tài liệu trong báo cáo được nỗ lực tổng hợp dưới dạng sẵn có một cách chính xác nhất có thể. Tuy nhiên, tác giả không đảm bảo tính chính xác, sự thích hợp hay đầy đủ của các thông tin và số liệu, đồng thời tuyên bố miễn trừ hoàn toàn trách nhiệm đối với các lỗi hoặc thiếu sót trong các thông tin và số liệu này.

GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM

VietnamBiz sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với bất kì chi phí, tổn thất hoặc thiệt hại nào cho dù trực tiếp hay gián tiếp, có liên quan tới hoặc là hậu quả của việc sử dụng báo cáo, hoặc liên quan tới những thiếu sót, sai sót.

ĐỂ THEO DÕI NHỮNG BÁO CÁO GẦN NHẤT CỦA CHÚNG TÔI, XIN TRUY CẬP:

- Mục Báo cáo hàng hóa - Chuyên mục Hàng hóa VietnamBiz
- Báo cáo thị trường lúa gạo quý III/2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 10/2025
- Báo cáo thị trường lúa gạo tháng 11/2025

THỰC HIỆN:

Nội dung: **Hoàng Hiệp**

Thiết kế: **Vân Miên**

MỌI Ý KIẾN ĐÓNG GÓP VỀ BÁO CÁO THỊ TRƯỜNG, XIN LIÊN HỆ TỚI:

Mrs. Trịnh Huyền Trang

Thư ký toà soạn phụ trách mục Hàng hóa - trang TTĐTTH VietnamBiz

Hotline: 099 522 2999

Email: info@vietnambiz.vn



Địa chỉ: Lầu 5 - Tòa nhà COMPA Building - 293 Điện Biên Phủ - Phường Gia Định - TP Hồ Chí Minh

Chi nhánh: Số 5 - ngõ 38A - Phố Trần Phú - Phường Ba Đình - TP Hà Nội

Hotline: 0938.1892224

Email: info@vietnambiz.vn

Vận hành bởi  VIETNEWS CORP